

Bản án số: 266/2021/HC-PT

Ngày: 11 - 5 - 2021

V/v *Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 37/2021/TLPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2020/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 486/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 761/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Đào Xuân N, sinh năm 1960 (có mặt),

Địa chỉ: Số 117, khu phố 7, thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND tỉnh B (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh B, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Chủ tịch UBND huyện P1 (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt).

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Ông Đào Xuân N là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2019, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 10/3/2020 và lời trình bày của ông Đào Xuân N trong quá trình tham gia tố tụng: Ông Đào Xuân N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện P1 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần hai).

- Nâng giá bồi thường về đất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện:

Năm 1986, ông Đào Xuân N khai hoang khu đất có diện tích khoảng 3.000m² tại khu phố 7 (trước đây là khu phố 2), thị trấn P, huyện P1 nguyên là vành đai của khu căn cứ quân sự của chế độ cũ. Ông Đào Xuân N cất nhà ở và đặt máy xay lúa để phục vụ cho người dân sinh sống ở khu vực ấp 4, ấp 5, ấp 6 xã P (có Giấy phép kinh doanh cấp năm 1986, môn bài năm 1986). Đến năm 1995 khi nhân dân không còn trồng lúa thì ông N chuyển sang nghề chế biến cà phê và mở quán bán cà phê (có Giấy môn bài năm 2001, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh năm 2000).

Năm 2004, ông Đào Xuân N ngừng buôn bán và cho bà Nguyễn Thị Mai L1 thuê lại mặt bằng và căn nhà để buôn bán nước giải khát. Đến năm 2005, hết thời hạn thuê nhà, bà L1 chuyển đi nơi khác sinh sống, ông Đào Xuân N tiếp tục sử dụng đất và căn nhà để buôn bán nước giải khát cho đến nay. Quá trình sử dụng, ông Đào Xuân N có kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo văn bản của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 đối với phần diện tích 1.989m² thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ số 35.

Thực tế, khu đất mà ông Đào Xuân N đang sử dụng có tổng diện tích 2.495,7m², ông Đào Xuân N đã chia làm 05 phần như sau: Ông Đào Xuân N (536,1m²) và 04 người con: Ông Đào Duy T1(394,1m²), ông Đào Duy T2 (444,8m²), bà Đào Thị Anh T3 (621,5m²), bà Đào Thị Anh T4 (499,2m²).

Trong 33 năm qua, gia đình ông N sinh sống, kinh doanh trên khu đất trên, xây dựng nhà ở ổn định, không tranh chấp, không vi phạm pháp luật; hàng năm đều đóng thuế đất và các khoản công ích xã hội đầy đủ. Trường hợp gia đình ông đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tháng 11/2014 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P1 tổ chức họp dân và thông báo giải tỏa đất giao cho Trung đoàn 271, kho K9, D60. Đến ngày 14/10/2015 lại họp dân để gửi cho mỗi gia đình một bảng tổng hợp chi phí bồi

thường, giá đất 48.000 đồng/m², nhà chỉ tính 30%-80% giá trị. Ngoài ra, UBND huyện P1 không gửi cho ông N thông báo hay quyết định thu hồi đất.

Không đồng ý với mức hỗ trợ như trên, ông N khiếu nại yêu cầu UBND huyện P1 phải bồi thường về đất cho ông (chứ không phải hỗ trợ), vì việc sử dụng đất của ông N thuộc trường hợp đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất (chứ không phải hỗ trợ 80% giá trị căn nhà). Chủ tịch UBND huyện P1 ban hành Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29/11/2018, bác đơn khiếu nại của ông vì lý do cho rằng ông không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Sau đó, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 giải quyết khiếu nại của ông N (lần 2) cũng cho rằng ông không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên giữ nguyên quyết định của UBND huyện P1 là cũng không đúng, gây thiệt hại quyền lợi của ông.

Theo Văn bản số 1013/UBND-NC ngày 08/10/2020, Chủ tịch UBND huyện P1 có ý kiến như sau:

- Khu đất giải tỏa của gia đình ông Đào Xuân N, có diện tích là 536,1m² thuộc một phần thửa đất số 01, 137, tờ bản đồ số 35, 36; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc diện giải tỏa trắng, nằm trong khu quy hoạch thu hồi đất giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, huyện P1. Khu đất có nguồn gốc là căn cứ của chế độ cũ được Quân đoàn 4 tiếp quản; Năm 1982 Lữ đoàn 477 nhận bàn giao làm huấn luyện và tháng 11/1991 giao lại cho Trung đoàn BB271, Kho K9 và Tiểu đoàn Đặc công 60 quản lý, sử dụng.

- Việc ông N yêu cầu hủy Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện P1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Xuân N; nâng giá bồi thường về đất bị thu hồi là không có cơ sở. Vì nguồn gốc đất của ông N là đất quốc phòng sử dụng từ năm 1986 đến nay, không phù hợp quy hoạch sử dụng đất, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện bồi thường về đất, được hỗ trợ về đất với giá 48.000đồng/m² theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện P1 tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

- Gia đình ông N có nộp thuế sử dụng đất ở cho cơ quan Nhà nước là thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước khi sử dụng đất làm nhà ở theo quy định tại Điều 4, Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010, quy định người nộp thuế “Trường hợp hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... thì người đang sử dụng đất là người nộp thuế”.

Tại Bản giải trình ngày 08/7/2020, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh B có ý kiến như sau:

- Ngày 26/11/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3033/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 và UBND huyện P1 tại thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương. Tại Điều 2 Quyết định nêu: UBND huyện P1 có trách nhiệm bồi thường, giải tỏa diện tích

187.557m² hiện các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng bàn giao đất quốc phòng.

- Ngày 16/3/2015, Chủ tịch UBND huyện P1 ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ, đền bù Công trình bồi thường, giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271, huyện P1, tỉnh Bình Dương.

- Ngày 09/12/2015, UBND huyện P1 ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P1 để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng (trong đó có hộ ông Đào Xuân N).

- Ngày 10/12/2015, UBND huyện P1 ban hành Quyết định số 603/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60. Căn cứ để xây dựng Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Công trình, gồm: Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh B quy định trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh B quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, theo đó: Không bồi thường, chỉ hỗ trợ về đất 48.000 đồng/m²; hỗ trợ nhà ở: Nhà ở xây dựng trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 80%, xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 30%, kể cả 10 trường hợp có quyết định xử phạt vi phạm hành chính (theo điểm b, c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi).

Việc ông Đào Xuân N khiếu nại Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện P1 và yêu cầu bồi thường 536,1m² đất bị thu hồi; nâng mức hỗ trợ về nhà ở từ 80% lên 100% theo đơn giá quy định thuộc Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 tại thị trấn P, huyện P1 là không có cơ sở xem xét, giải quyết, bởi vì:

+ Phần đất diện tích 536,1m² mà ông Đào Xuân N đang khiếu nại (thuộc khu đất có tổng diện tích sử dụng 2.495,7m², thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35 và một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ 36), có nguồn gốc là đất quốc phòng, bị các hộ dân xâm canh chiếm dụng. Phần đất này hiện nay nằm trong phạm vi giải tỏa, thu hồi đất để giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, huyện P1.

Quá trình sử dụng đất, ông Đào Xuân N có thực hiện việc kê khai, đăng ký diện tích đất 1.989m², thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35 tại Sổ mục kê năm 2000 và được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã P xác nhận năm 2001; Tuy nhiên, hai loại giấy tờ trên không thuộc các loại giấy tờ làm cơ sở cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

+ Về nhà ở (03 nhà tạm B, 02 căn nhà 01 tầng), được ông Đào Xuân N xây dựng trước ngày 01/7/2004. Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được UBND huyện P1 phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015, thì việc UBND huyện P1 hỗ trợ theo tỷ lệ 80% đơn giá quy định đối với các căn nhà nói trên cho ông Đào Xuân N, là phù hợp quy định

pháp luật.

Trường hợp của ông Đào Xuân N là không đủ điều kiện để được bồi thường về nhà, đất. Việc UBND huyện P1 hỗ trợ 48.000đồng/m² đối với đất, hỗ trợ 80% giá trị các căn nhà, hỗ trợ 01 lô đất tái định cư cho ông Đào Xuân N và các trường hợp tương tự, là đúng theo Phương án đã được phê duyệt nhằm hỗ trợ cho người dân ổn định cuộc sống.

Từ những cơ sở pháp lý và nội dung nêu trên, việc Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N tại Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 là đúng quy định pháp luật.

Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh B vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2019; đồng thời, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử bác đơn khởi kiện của ông Đào Xuân N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2020/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân N về những vấn đề sau:
 - Yêu cầu hủy Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện P1 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần đầu).
 - Yêu cầu hủy Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần hai).
2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân N về việc nâng giá bồi thường về đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/11/2020 ông Đào Xuân N kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị hủy án, bồi thường về đất theo quy định pháp luật và gia trị tài sản là 100%.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đào Xuân N vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét giải quyết cho công bằng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- ***Về tố tụng:*** Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.
- ***Về kháng cáo của ông Đào Xuân N:*** Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm:

Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông N. Ông N kháng cáo yêu cầu bồi thường diện tích đất ông sử dụng ổn định, bồi thường 100%. Tại phiên tòa hôm nay, ông N trình bày diện tích đất này ông quản lý sử dụng trước năm 2000 và có đăng ký. Quá trình sử dụng, địa phương cho phép, quản lý từ trước đến nay nên thuộc trường hợp công nhận quyền sử dụng đất và khi Nhà nước thu hồi đất phải bồi thường. Nhưng hồ sơ thể hiện đất này là đất quốc phòng. Diện tích khu vực này là diện tích đất quốc phòng. Ông N khởi kiện Quyết định của Chủ tịch UBND huyện P1 và Chủ tịch UBND tỉnh B nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Nhà nước không công nhận quyền sử dụng đất cho ông N. Ông N có đề nghị công nhận quyền sử dụng đất nhưng bị từ chối. Tính đến thời điểm này, UBND huyện P1 hỗ trợ 48.000đồng/m² đối với đất, hỗ trợ 80% giá trị các căn nhà, hỗ trợ 01 lô đất tái định cư cho ông Đào Xuân N. Các hộ lấn chiếm đất sẽ không được bồi thường nhưng do địa phương có cho ở nên Nhà nước xem xét hỗ trợ như trên là đúng quy định. Án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông N kháng cáo không có tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông N, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ông Đào Xuân N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện P1 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần đầu); Hủy Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần hai) và nâng giá bồi thường về đất theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với yêu cầu nâng giá bồi thường về đất của ông Đào Xuân N, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông N:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định: được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Nguồn gốc 536,1 m² đất thuộc một phần thửa đất số 01, 137 tờ bản

đồ số 35, 36 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương:

- Năm 1986, ông Đào Xuân N khai hoang khu đất có diện tích khoảng 3.000m² tại khu phố 7 (trước đây là khu phố 2), thị trấn P, huyện P1. Ông Đào Xuân N cất nhà ở và đặt máy xay lúa để phục vụ cho người dân sinh sống ở khu vực ấp 4, ấp 5, ấp 6 xã P (có Giấy phép kinh doanh do UBND tỉnh Sông Bé cấp năm 1986).

- Năm 1999 - 2000, ông Đào Xuân N chuyển qua làm nghề chế biến cà phê và mở quán buôn bán nước giải khát (có Giấy môn bài năm 2001, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh năm 2000).

- Năm 2004, ông Đào Xuân N ngừng buôn bán và cho bà Nguyễn Thị Mai L1 thuê lại mặt bằng và căn nhà để buôn bán nước giải khát. Đến năm 2005, hết thời hạn thuê nhà, bà L1 chuyển đi nơi khác sinh sống, ông Đào Xuân N tiếp tục sử dụng đất và căn nhà để buôn bán nước giải khát cho đến nay. Quá trình sử dụng, ông Đào Xuân N có kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được cấp (Văn bản của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 đối với phần diện tích 1.989m² thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ số 35).

[2.2.2] Theo các tài liệu chứng cứ do ông N xuất trình thì thấy rằng việc sử dụng đất của ông N là lâu dài, có đăng ký kê khai đất và được cấp giấy chứng nhận đăng ký đất đai, đăng ký kinh doanh trên thửa đất, đăng ký hộ khẩu thường trú và thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Các cơ quan hành chính không có quyết định hành chính nào xử lý hành vi lấn chiếm đất của ông N.

[2.2.3] Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ do UBND tỉnh B cung cấp thì phần đất ông N sử dụng thuộc một phần diện tích đất do quân đội quản lý theo Quyết định số 04 ngày 12/3/1983 của UBND tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) giao đất cho Bộ Tư lệnh Quân khu 7 xây dựng doanh trại quân đội. Sau đó, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 535/TTg-m ngày 15/7/1997 phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý trên địa bàn Quân khu 7. Ngày 26/11/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3033/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 và UBND huyện P1 tại thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương. Tại Điều 2 Quyết định nêu: UBND huyện P1 có trách nhiệm bồi thường, giải tỏa diện tích 187.557m² hiện các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng bàn giao đất quốc phòng. Ngày 16/3/2015, Chủ tịch UBND huyện P1 ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ, đền bù Công trình bồi thường, giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271, huyện P1, tỉnh Bình Dương. Ngày 09/12/2015, UBND huyện P1 ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P1 để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng (trong đó có hộ ông Đào Xuân N). Ngày 10/12/2015, UBND huyện P1 ban hành Quyết định số 603/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60. Các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2.4] Do đó, mặc dù ông Đào Xuân N có thực hiện việc kê khai, đăng ký

và được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã P xác nhận năm 2000, nhưng do đất đã được quy hoạch đất quốc phòng và được giao cho các đơn vị quân đội quản lý nên các loại giấy tờ như ông N xuất trình không thuộc các loại giấy tờ làm cơ sở cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, ông Đào Xuân N cũng không đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013. Việc UBND huyện P1 hỗ trợ 48.000 đồng/m² đối với đất, hỗ trợ 80% giá trị các căn nhà, hỗ trợ 01 lô đất tái định cư cho ông Đào Xuân N và các trường hợp tương tự, là đúng theo Phương án đã được phê duyệt.

Tại phiên tòa, ông N cũng xác định đã nhận nền tái định cư.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật. Ông N kháng cáo không có tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông N là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 10 Điều 22 và khoản 8 Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Điều 18 và 21 Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ Khoản 1 Điều 75, Điều 100 và khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Xuân N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2020/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân N về những vấn đề sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện P1 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần đầu).

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ

tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần hai).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân N về việc nâng giá bồi thường về đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Đào Xuân N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0044611 ngày 09/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Đào Xuân N.

Hoàn tạm nộp tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0044847 ngày 01/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Dương sự;
- Lưu – (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương